

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung,
huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 24/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại các Tờ trình: số 1178/SXD-HĐXD ngày 03/4/2025, số 2147/SXD-HĐXD ngày 25/4/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1108/SXD-HĐXD ngày 02/4/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định với những nội dung chủ yếu sau:

I. Khái quát về dự án

- Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 với tổng mức đầu tư là 154.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tư tỷ đồng*).

Trong đó:

+ Chi phí bồi thường GPMB:	24.426.953.000	đồng.
+ Chi phí xây dựng:	104.819.827.000	đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	1.734.359.000	đồng.
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.212.029.000	đồng.
+ Chi phí khác:	1.741.074.000	đồng.
+ Chi phí dự phòng:	12.065.758.000	đồng.

- Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn đầu tư công do tỉnh quản lý 125 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Ngọc Lặc và các nguồn huy động hợp pháp khác 29 tỷ đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2025.

II. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình triển khai thực hiện, công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) được chuẩn xác lại theo thực tế, làm giảm chi phí GPMB so với phương án khái toán trong tổng mức đầu tư được phê duyệt và một số hạng mục cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế hiện trường, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đảm bảo không làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt. Vì vậy, để triển khai thực hiện hoàn thành dự án đảm bảo yêu cầu về quản lý hoạt động xây dựng, chi phí đầu tư xây dựng, bố trí vốn, việc điều chỉnh dự án là phù hợp và cần thiết (*Chủ tịch UBND tỉnh đã có Văn bản số 5291/UBND-CN XD KH ngày 18/4/2025, trong đó thống nhất chủ trương điều chỉnh dự án*).

III. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở:

a) Bổ sung rãnh thoát nước dọc tại các đoạn Km11+839-Km12+693, Km12+900-Km13+193 và nút giao - Km17+573: Bổ sung rãnh thoát nước dọc, kết hợp mở rộng mặt đường (kết cấu áo đường như mặt đường làm mới), gia cố lề (rộng 0,4m) bằng BTXM M300 đến sát mép rãnh; sử dụng loại rãnh hộp kín chịu lực, chiều rộng lòng B=0,5m, chiều sâu tùy theo địa hình, thu nước mặt đường dọc theo mép bó vỉa về các hố thu qua cửa thu nước với khoảng cách trung bình (20-30)m/01 hố thu; cấu tạo thân và đáy rãnh bằng BTCT M250, nắp rãnh bằng BTCT M300, các vị trí qua đường ngang, đường vào cơ quan nắp rãnh không bố trí bó vỉa, phía trên có lớp phủ mặt bản bằng BT M300 dày 6cm. Hố thu có cấu tạo như rãnh, đáy hố hơn đáy rãnh 30cm; nắp rãnh bố trí cửa thu nước.

b) Đoạn Km18+799-Km18+831: Điều chỉnh thiết kế nền đường từ đắp bằng đất đồi thành đắp bằng đất kết hợp với tường chắn chân, chiều cao thân tường (1-3)m, cấu tạo thân, móng tường chắn bằng BTXM M200; móng đặt trên nền thiên nhiên ổn định; bổ sung vuốt nối đường ngang dân sinh (phải tuyến), với mặt đường bằng BTXM M300, móng BTXM M100.

c) Nút giao cuối tuyến - Km19+508 với đường ĐT.516B tại Km44+750: Giữ nguyên nhánh rẽ hướng đường Hồ Chí Minh đi phố Châu; cắt giảm nhánh rẽ hướng đường Hồ Chí Minh đi Quán Lào và điều chỉnh quy mô mặt cắt ngang nhánh rẽ hướng phố Châu đi Quán Lào cho phù hợp với dự án Đầu tư nâng cấp tuyến đường từ ĐT.518 xã Yên Tâm đi ĐT.516B thị trấn Thống Nhất, huyện Yên Định (do Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Định làm Chủ đầu tư).

d) Mặt đường: Điều chỉnh vật liệu bê tông nhựa (BTN) lớp mặt trên từ BTNC 19 thành BTNC 16.

đ) Cập nhật một số nội dung điều chỉnh trong quá trình thi công (đã được Chủ đầu tư phê duyệt):

- Bổ sung xử lý nền, mặt đường tại các vị trí bị hư hỏng; giải pháp xử lý theo thiết kế được duyệt.

- Điều chỉnh cầu bản Km11+706: giữ nguyên kết cấu phần trên thực hiện điều chỉnh vị trí cầu từ Km11+706 về Km11+737,18 và kết cấu phần dưới để phù hợp với địa chất thực tế (tại vị trí xây dựng cầu mới).

- Bổ sung 02 cống bản 1m tại Km17+332,9 và Km17+517,91; cấu tạo cống theo thiết kế được duyệt.

- Chuẩn xác chiều dài cọc khoan nhồi tại 02 cầu Km1+161,91 và Km3+790,79 theo kết quả thi công thực tế.

(chi tiết có hồ sơ thiết kế kèm theo).

3.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh phê duyệt: **154.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tư tỷ đồng); trong đó:

- Chi phí GPMB:	8.400.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	122.014.127.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.615.023.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	9.056.040.000 đồng.
- Chi phí khác:	2.032.688.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	10.882.122.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

IV. Nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 1108/SXD-HĐXD ngày 02/4/2025.

- Sở Xây dựng, UBND các huyện: Ngọc Lặc, Yên Định, Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu, sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy mô, nội dung, các giải pháp thiết kế, giá trị các hạng mục công trình trình trình thẩm định, phê duyệt.

- Yêu cầu UBND huyện Ngọc Lặc (là đơn vị chủ quản của Chủ đầu tư) theo chức năng nhiệm vụ nắm bắt, chỉ đạo, quản lý việc thực hiện dự án đảm bảo theo các quy định của pháp luật và của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND các huyện: Ngọc Lặc, Yên Định; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	CHI PHÍ BỒI THƯỜNG GPMB (đã bao gồm chi phí dự phòng)	24.426.953.000	Khái toán của Ban QLDA được UBND các huyện Yên Định, Ngọc Lặc thống nhất	8.400.000.000	-16.026.953.000
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	104.819.827.000	cộng 1-5	122.014.127.000	17.194.300.000
1	Phần khối lượng đã phê duyệt		Hợp đồng số 03/2023/HĐ-TCXD ngày 17/3/2023 và PLHĐ số 02/2024/PLHĐ-TCXD ngày 20/9/2024 giữa Ban QLDA và Nhà thầu thi công	106.102.017.807	
-	Phần khối lượng đã thực hiện			65.078.828.933	
-	Phần khối lượng chưa thực hiện			42.118.610.457	
-	Điều chỉnh giá hợp đồng theo quy định về giảm thuế GTGT đối với phần khối lượng đã thanh toán		Tờ trình số 154/TTr-BQLDA ngày 27/3/2025 của Ban QLDA	-1.095.421.583	
2	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung (lần 1) đã được Ban QLDA phê duyệt		Quyết định số 329/QĐ-BQLDA ngày 11/12/2023 của Ban QLDA	-709.033.000	
3	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung lần 2 đã được Ban QLDA phê duyệt		Quyết định số 123/QĐ-BQLDA ngày 17/3/2025 của Ban QLDA	3.129.732.141	
4	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung lần 3 đã được Ban QLDA phê duyệt		Quyết định số 137/QĐ-BQLDA ngày 24/3/2025 của Ban QLDA	3.752.876.154	
5	Phần khối lượng điều chỉnh, bổ sung lần này			9.738.533.704	
-	Rãnh thoát nước dọc		Dự toán chi tiết	8.222.151.624	
	+ Phần nền, móng, mặt đường mở rộng			1.654.242.424	
	+ Phần rãnh thoát nước dọc			6.567.909.200	
-	Nút giao cuối tuyến (Km19+508)			-234.474.699	
-	Đoạn Km18+799-Km18+831			333.049.070	
-	Điều chỉnh BTN mặt đường từ BTNC 19 về BTNC 16			1.417.807.709	

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh		Chênh lệch tăng (), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1.734.359.000	1,820% x0,8x 110.921.933.636	1.615.023.000	-119.336.000
IV	CHI PHÍ PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	9.212.029.000	cộng 1-11	9.056.040.000	-155.989.000
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT	3.012.086.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA	3.012.086.000	-
2	Khảo sát, lập TK BVTC-DT; lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	3.476.285.000		3.021.613.000	-454.672.000
3	Lập đề cương, nhiệm vụ khảo sát				
-	Bước lập báo cáo NCKT	70.270.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA	70.270.000	-
-	Bước thiết kế BVTC	50.441.000		43.755.000	-6.686.000
4	Giám sát khảo sát				
-	Bước lập báo cáo NCKT	91.212.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA	91.212.000	-
-	Bước thiết kế BVTC	68.466.000		65.329.000	-3.137.000
5	Tư vấn thẩm tra				
-	Thẩm tra thiết kế BVTC	90.912.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA	179.324.000	90.000
-	Thẩm tra dự toán	88.322.000			
-	Thẩm tra ATGT		Khái toán theo dự án tương tự	100.000.000	100.000.000
8	Giám sát thi công	1.859.993.000	Quyết định số 55/QĐ-BQLDA ngày 20/03/2023 của Ban QLDA	1.866.857.000	6.864.000
9	Lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu				
-	Gói thầu tư vấn LCNT khảo sát, lập báo cáo NCKT	18.510.000	Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh	18.510.000	-
-	Các gói thầu tư vấn	28.946.000	Quyết định số 162/QĐ-BQLDA ngày 29/4/2022 của Ban QLDA	129.244.000	-
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.298.000			
10	Phí thẩm định HSMT và KQ lựa chọn nhà thầu				-
-	Gói thầu tư vấn LCNT khảo sát, lập báo cáo NCKT	2.342.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA	2.342.000	-
-	Các gói thầu tư vấn	3.946.000		5.352.000	1.406.000
-	Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)	100.000.000		100.000.000	-
11	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	150.000.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA và Phụ lục hợp đồng số 68,01PL/2022/TVMT-YL ngày 29/12/2022	350.146.000	200.146.000

TT	Khoản mục chi phí	TMĐT theo QĐ số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh	TMĐT điều chỉnh		Chênh lệch tăng (), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
V	CHI PHÍ KHÁC	1.741.074.000	cộng 1-8	2.032.688.000	291.614.000
1	Chi phí kiểm toán	469.854.000	0,329% x1,1x 143.285.000.000	518.182.949	48.328.949
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	139.817.000	0,215% x0,5x 143.285.000.000	154.218.272	14.401.272
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	299.785.000	Hợp đồng số 03/2023/HĐ-TCXD ngày 17/3/2023 và PLHĐ số 02/2024/PLHĐ-TCXD ngày 20/9/2024 giữa Ban QLDA và Nhà thầu thi công	299.725.831	-59.169
-	Bảo hiểm công trình đường giao thông			209.716.578	-59.169
-	Bảo hiểm công trình cầu			90.009.253	
4	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	17.171.000	Quyết định số 971/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh	17.171.000	-
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	16.181.000	Quyết định số 418/QĐ-BQLDA ngày 29/12/2022 của Ban QLDA	16.406.000	225.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	15.814.000		16.085.000	271.000
7	Thuế tài nguyên, phí môi trường	497.008.000	Hợp đồng số 03/2023/HĐ-TCXD ngày 17/3/2023 và PLHĐ số 02/2024/PLHĐ-TCXD ngày 20/9/2024 giữa Ban QLDA và Nhà thầu thi công	453.050.668	-43.957.332
8	Các chi phí khác				
-	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	135.444.000		407.848.111	272.404.111
-	Chi phí đường dây, TBA phục vụ thi công	150.000.000		150.000.000	-
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG (không bao gồm hạng mục GPMB)	12.065.758.000	cộng 1-2	10.882.122.000	-1.183.636.000
1	Dự phòng khối lượng, công việc phát sinh	7.097.758.000	4,75% x 134.517.732.000	6.401.248.000	-696.510.000
2	Dự phòng trượt giá	4.968.000.000	3,50% x 134.517.732.000	4.715.126.000	-252.874.000
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	154.000.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	154.000.000.000	-